

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22838201)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D2-11

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

TRUONG KIM  
NGUYEN PHAM THI  
NGUYEN ANH

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|---------|
| 1   | 2125180017 | Trần Chính      | Nguyên | 06/01/2007 | CCQ2518A | 35          | Nguyên    | 7.0        | 8,2         | 7,7     |         |
| 2   | 2125180025 | Võ Phạm Chí     | Nguyên | 14/05/2007 | CCQ2518A | 36          | Chí       | 6.5        | 6,3         | 6,4     |         |
| 3   | 2125180003 | Võ Bảo Hoài     | Nhân   | 07/08/2007 | CCQ2518A | 3           | nhân      | 7.3        | 6,3         | 6,7     |         |
| 4   | 2125180010 | Đinh Xuân Hoàng | Nhật   | 15/11/2007 | CCQ2518A | 4           | nhật      | 7.5        | 6,2         | 7       |         |
| 5   | 2125180041 | Võ Bá           | Nhật   | 29/10/2007 | CCQ2518B |             |           | 0.0        |             |         |         |
| 6   | 2125180005 | Châu Gia        | Phát   | 04/12/2007 | CCQ2518A | 6           | Phát      | 6.8        | 6,3         | 6,5     |         |
| 7   | 2124180048 | Nguyễn Thiện    | Phong  | 12/12/2006 | CCQ2418B | 7           | Thiện     | 7.5        | 6           | 6,6     |         |
| 8   | 2125180052 | Trần Ngọc Thanh | Phong  | 05/03/2007 | CCQ2518B | 8           | Thanh     | 7.5        | 7,8         | 7,7     | HP      |
| 9   | 2125180066 | Nguyễn Hoàng    | Phúc   | 03/07/2007 | CCQ2518B | 9           | Hoàng     | 8.0        | 7,8         | 7,9     | HP      |
| 10  | 2125180063 | Nguyễn Duy      | Phương | 29/12/2007 | CCQ2518B | 10          | Phương    | 6.5        | 8,8         | 7,9     |         |
| 11  | 2125180039 | Huỳnh Ngọc      | Quân   | 10/01/2006 | CCQ2518B | 2           | Quân      | 7.0        | 5,5         | 6,1     | HP      |
| 12  | 2125180067 | Hồ Minh         | Quang  | 14/10/2007 | CCQ2518B | 12          | Quang     | 7.5        | 6,8         | 7,1     |         |
| 13  | 2125180034 | Nguyễn Xuân     | Quang  | 02/09/2005 | CCQ2518A | 13          | Quang     | 7.8        | 7,3         | 7,5     |         |
| 14  | 2125180065 | Dụng Thanh      | Sang   | 07/07/2007 | CCQ2518B |             |           | 0.0        |             |         | HP      |
| 15  | 2125180029 | Phan Thanh      | Tài    | 30/05/2007 | CCQ2518A | 16          | Tài       | 7.5        | 6,5         | 6,9     |         |
| 16  | 2125180056 | Bùi Văn         | Thạch  | 21/09/2007 | CCQ2518B |             |           | 0.0        |             |         | HP      |
| 17  | 2125180007 | Trần Đình       | Thái   | 06/11/2007 | CCQ2518A | 17          | Thái      | 8.0        | 8           | 8,0     |         |
| 18  | 2125180048 | Võ Thành        | Thảo   | 02/08/2003 | CCQ2518B | 18          | Thảo      | 8.8        | 8,8         | 8,8     |         |
| 19  | 2125180045 | Ngô Anh         | Thế    | 24/09/2006 | CCQ2518B | 19          | Thế       | 8.0        | 8,5         | 8,3     |         |
| 20  | 2125180123 | Nguyễn Ngọc     | Thiện  | 30/05/2007 | CCQ2518A | 29          | Thiện     | 8.3        | 9,5         | 8,9     |         |
| 21  | 2125180002 | Phan Lê Chí     | Thiện  | 28/06/2007 | CCQ2518A |             |           | 0.0        |             |         |         |
| 22  | 2125180124 | Nguyễn Chí      | Thịnh  | 16/06/2007 | CCQ2518A | 22          | Thịnh     | 7.5        | 6,7         | 7,0     |         |
| 23  | 2125180069 | Nguyễn Trường   | Thịnh  | 04/04/2007 | CCQ2518B | 23          | Trường    | 8.0        | 7,2         | 7,5     |         |
| 24  | 2125180038 | Trần Văn        | Tiếp   | 12/01/2007 | CCQ2518B | 24          | Tiếp      | 6.5        | 7           | 6,8     |         |
| 25  | 2125180020 | Nguyễn Thành    | Trung  | 30/09/2007 | CCQ2518A | 25          | Thành     | 7.0        | 7,5         | 7,3     |         |
| 26  | 2125180030 | Đỗ Đình         | Trường | 23/10/2007 | CCQ2518A | 26          | Đỗ        | 6.5        | 6,8         | 6,7     |         |
| 27  | 2125180054 | Nguyễn Nhật     | Tường  | 25/03/2007 | CCQ2518B | 27          | Tường     | 7.8        | 9,7         | 8,9     |         |
| 28  | 2125180062 | Nguyễn Thái     | Vĩ     | 26/01/2007 | CCQ2518B | 28          | Vĩ        | 7.0        | 9,3         | 8,4     |         |
| 29  | 2124180110 | Lê Quốc         | Việt   | 11/03/2006 | CCQ2418B |             |           | 0.0        |             |         | HP      |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1   Cán bộ coi thi 2   G.Viên chấm thi 1   G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22838201)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D2-11

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28

TRƯỞNG  
VĂN  
THAM  
TRỊ  
KING  
CƠM

| STT | Mã SV      | Họ và Tên   | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|-----|------------|-------------|-----------|------------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|------------|
| 30  | 2125180024 | Nguyễn Quốc | Việt      | 08/08/2007 | CCQ2518A       | 30        | 6.5           | 9,5            | 8,3        |            |
| 31  | 2125180057 | Trần Văn    | Việt      | 13/12/2007 | CCQ2518B       |           | 0.0           |                |            | HP         |
| 32  | 2125180068 | Nguyễn Như  | Vinh      | 21/01/2007 | CCQ2518B       | 33        | 7.3           | 7,8            | 7,5        | HP         |
| 33  | 2124180059 | Nguyễn Quốc | Vinh      | 20/02/2006 | CCQ2418B       | 32        | 7.5           | 8,5            | 8,1        |            |
| 34  | 2125180013 | Phan Tuấn   | Vũ        | 27/08/2007 | CCQ2518A       | 34        | 6.8           | 8,7            | 7,9        |            |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22838201)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: .....

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                 | Ngày sinh        | Mã lớp                | Số tờ Mã đề         | Chữ ký SV | Đ.QT (40%)     | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|---------------|-----------------------|---------------------------|------------------|-----------------------|---------------------|-----------|----------------|-------------|---------|---------|
| 1             | 2125180043            | Nguyễn Bảo                | Bảo              | 13/02/2007            | CCQ2518B            | Bảo       | 8.0            | 8           | 8       |         |
| 2             | 2124180119            | Nguyễn Quân               | Bảo              | 25/09/2006            | CCQ2418A            | Quân      | 6.5            | 6,2         | 6,3     |         |
| <del>3</del>  | <del>2125180032</del> | <del>Nguyễn Võ Chí</del>  | <del>Bảo</del>   | <del>16/11/2007</del> | <del>CCQ2518A</del> |           | <del>0.0</del> |             |         | HP      |
| 4             | 2125180011            | Trần Đình                 | Bình             | 11/07/2007            | CCQ2518A            | Đạt       | 8.0            | 5,8         | 6,7     |         |
| 5             | 2125180042            | Tạ Quốc                   | Đại              | 14/03/2007            | CCQ2518B            | Đạt       | 8.0            | 6,2         | 6,2     |         |
| 6             | 2125180049            | Nguyễn Thành              | Danh             | 10/12/2007            | CCQ2518B            | Danh      | 8.0            | 4,7         | 6       | HP      |
| 7             | 2125180022            | Nguyễn Quốc               | Đạt              | 06/08/2007            | CCQ2518A            | Đạt       | 8.0            | 5,2         | 6,3     |         |
| 8             | 2125180047            | Trần Tiến                 | Đạt              | 17/12/2007            | CCQ2518B            | Đạt       | 8.0            | 5,8         | 6,7     |         |
| 9             | 2125180006            | Võ Tấn                    | Đạt              | 19/02/2007            | CCQ2518A            | Đạt       | 8.0            | 4,8         | 6       |         |
| 10            | 2125180122            | Trần Ý                    | Đô               | 26/06/2002            | CCQ2518A            | Đô        | 8.0            | 7,8         | 7,9     | HP      |
| 11            | 2125180053            | Nguyễn Huỳnh              | Đức              | 05/02/2007            | CCQ2518B            | Đức       | 7.8            | 7,8         | 7,8     |         |
| 12            | 2125180018            | Trần Văn                  | Đức              | 20/11/2007            | CCQ2518A            | Đức       | 7.8            | 7,5         | 7,6     |         |
| <del>13</del> | <del>2122180051</del> | <del>Nguyễn Tùng</del>    | <del>Dương</del> | <del>20/11/2004</del> | <del>CCQ2218B</del> |           | <del>6.5</del> |             |         | HP      |
| 14            | 2125180019            | Hồ Minh                   | Duy              | 07/08/2007            | CCQ2518A            | Duy       | 7.5            | 8           | 7,8     |         |
| <del>15</del> | <del>2125180026</del> | <del>Hồ Quang</del>       | <del>Duy</del>   | <del>30/03/2007</del> | <del>CCQ2518A</del> |           | <del>0.0</del> |             |         | HP      |
| 16            | 2125180015            | Trần Nhật                 | Hào              | 16/01/2007            | CCQ2518A            | Hào       | 8.0            | 7,2         | 7,5     |         |
| 17            | 2125180055            | Trần Nhật                 | Hào              | 02/03/2005            | CCQ2518B            | Hào       | 7.8            | 9           | 8,5     |         |
| 18            | 2125180114            | Nguyễn Quang              | Hùng             | 20/11/2007            | CCQ2518B            | Hùng      | 7.0            | 6,8         | 6,9     |         |
| 19            | 2125180008            | Huỳnh Duy                 | Hung             | 11/02/2007            | CCQ2518A            | Huỳnh     | 8.0            | 7,7         | 7,8     | HP      |
| 20            | 2125180031            | Trần Quốc                 | Hữu              | 03/08/2006            | CCQ2518A            | Hữu       | 8.0            | 6           | 6,8     |         |
| 21            | 2125180014            | Nguyễn Đình Đức           | Huy              | 24/12/2006            | CCQ2518A            | Huy       | 8.0            | 4,8         | 6,1     |         |
| 22            | 2125180070            | Nguyễn Khánh              | Huy              | 15/04/2007            | CCQ2518B            | Huy       | 8.0            | 8,8         | 8,5     |         |
| 23            | 2125180051            | Trần Quốc                 | Huy              | 24/11/2007            | CCQ2518B            | Huy       | 8.0            | 5,5         | 6,5     |         |
| 24            | 2125180036            | Bùi Tri                   | Khang            | 07/09/2006            | CCQ2518B            | Khang     | 7.0            | 6,2         | 6,5     | HP      |
| 25            | 2125180001            | Huỳnh Tấn                 | Khang            | 26/01/2006            | CCQ2518A            | Khang     | 7.5            | 8           | 7,8     |         |
| <del>26</del> | <del>2125180044</del> | <del>Nguyễn Phạm Lê</del> | <del>Kiên</del>  | <del>06/06/2007</del> | <del>CCQ2518B</del> |           | <del>0.0</del> |             |         | HP      |
| 27            | 2125180071            | Nguyễn Văn Chi            | Kiệt             | 21/08/2007            | CCQ2518B            | Kiệt      | 6.8            | 8,8         | 8,4     |         |
| 28            | 2125180064            | Trần Thanh                | Liêm             | 03/05/2007            | CCQ2518B            | Liêm      | 8.0            | 5,7         | 6,6     |         |
| 29            | 2125180037            | Phan Đỗ Hoàng             | Mỹ               | 20/06/2007            | CCQ2518B            | Mỹ        | 8.0            | 6,2         | 6,9     |         |

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học: Máy và thiết bị lạnh (22838201)

Ngày thi: 23/07/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D2-12

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: .....

*(Handwritten signatures and names: Nguyễn Hoàng Dũng, Ngô Thị Thuý)*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên   | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV          | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|------------|-------------|-----------|------------|-------------|--------------------|------------|-------------|---------|---------|
| 30  | 2124180029 | Lê Hoài     | Nam       | 01/01/2006 | CCQ2418A    |                    | 0.0        |             |         | HP      |
| 31  | 2125180004 | Nguyễn Tuấn | Nam       | 26/06/2007 | CCQ2518A    | <i>(Signature)</i> | 7.5        | 8           | 7.8     |         |
| 32  | 2125180021 | Phan Xuân   | Nam       | 27/04/2007 | CCQ2518A    | <i>(Signature)</i> | 7.5        | 4.5         | 5.5     |         |